

Số: 01a/KL-UBND

Ba Tơ, ngày 07 tháng 8 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA

Chế độ trách nhiệm của Chủ tịch UBND xã trong công tác phòng chống tham nhũng giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và công tác quản lý tài chính, ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản trong năm 2021 và 2022 tại UBND xã Ba Nam

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010; Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 92/BC-ĐTTr ngày 14/6/2023 của Trường đoàn thanh tra được thành lập tại Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của Chủ tịch UBND huyện thanh tra chế độ trách nhiệm của Chủ tịch UBND xã trong công tác phòng chống tham nhũng giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và công tác quản lý tài chính, ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản trong năm 2021 và 2022 tại UBND xã Ba Nam; ý kiến thảo luận của các cơ quan liên quan tại cuộc họp do Ủy ban nhân dân huyện tổ chức vào ngày 15/6/2023. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện kết luận như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

- Xã Ba Nam là một xã miền núi, có diện tích tự nhiên 12.012,55 ha được chia thành 03 thôn, phía Đông giáp xã Ba Bích – Ba Lễ, phía Tây giáp xã Ba Xa, phía Nam giáp xã An Toàn, huyện An Lão và xã Sơn Lang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; phía Bắc giáp xã Ba Tô, huyện Ba Tơ. Toàn xã có: 278 hộ với 1.057 khẩu, trên 90% dân số là đồng bào dân tộc H'rê, sống chủ yếu bằng nghề nông nghiệp, là xã nằm trong chương trình 30a của Chính phủ. Ba Nam là đơn vị hành chính loại II.

- Cơ cấu tổ chức: Có tổng số cán bộ, công chức được giao là 21 biên chế, trong đó cán bộ: 11 người, công chức: 09 người. Về trình độ chuyên môn có: 20/20 người có trình độ đại học.

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. Kết quả thực hiện công tác tiếp dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo

1. Kết quả tiếp công dân

- Từ năm 2021 đến năm 2022, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành lịch tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch, phòng tiếp dân được bố trí chung phòng với phòng làm việc của công chức xã do điều kiện phòng làm việc không đủ; Chủ tịch Ủy ban

nhân dân xã thực hiện việc tiếp dân khi có yêu cầu cần gặp trực tiếp của nhân dân.

- Về công tác tiếp dân thường xuyên được phân công cho công chức Văn phòng – Thống kê xã phụ trách thực hiện tiếp dân, xử lý đơn và hướng dẫn, giải quyết khi công dân yêu cầu.

- Kết quả tiếp công dân

** Năm 2021*

+ Tiếp dân định kỳ: Theo sổ theo dõi 03 lượt/ 03 người. Tuy nhiên tại Báo cáo số 182/BC-UBND ngày 12/11/2021 công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng năm 2021 là 17 lượt người, số liệu báo cáo không chính xác.

+ Tiếp thường xuyên: Không có.

** Năm 2022*

+ Tiếp dân định kỳ: Không có

+ Tiếp thường xuyên: 01 lượt/ 01 người.

2. Công tác tiếp nhận, giải quyết đơn kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo

a. Công tác tiếp nhận, giải quyết đơn kiến nghị, phản ánh, khiếu nại

- Năm 2021: Tiếp nhận 12 đơn/12 vụ, các vụ việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã đã thực hiện việc giải quyết 12 vụ việc (01 đơn không có trong sổ lưu).

- Năm 2022: Tiếp nhận 02 đơn/ 02 vụ, Chủ tịch UBND xã đã thực hiện giải quyết theo thẩm quyền.

b. Công tác giải quyết tố cáo

Năm 2021 – năm 2022, Ủy ban nhân dân xã không có tiếp nhận đơn tố cáo.

3. Thanh toán tiền tiếp dân

Thanh toán chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh:

** Năm 2021:* Thanh toán 6.240.000 đồng.

- Thanh toán 2.400.000 đồng/năm (50.000 đồng/ngày/48 ngày) đối với công chức tiếp dân thường xuyên và 3.840.000 đồng/năm (80.000 đồng/ngày/48 ngày) đối với cán bộ tiếp dân định kỳ là chưa đúng với mức chi quy định tại Điều 2, Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

** Năm 2022:* Thanh toán 7.250.000 đồng.

- Thanh toán 5.050.000 đồng/năm đối với công chức tiếp dân thường xuyên

và 2.200.000 đồng/năm đối với cán bộ tiếp dân định kỳ là chưa đúng với mức chi quy định tại Điều 2, Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nhận xét, kết luận và kiến nghị

4.1. Nhận xét

- Ủy ban nhân dân xã đã quan tâm, chỉ đạo trong việc tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo thể hiện qua việc đã ban hành lịch tiếp dân định kỳ, thông báo nội quy tiếp dân tại trụ sở; các bộ phận chuyên môn thực hiện việc giải quyết đơn khiếu nại của công dân khi có đơn liên quan đến từng lĩnh vực cụ thể; việc thực hiện chế độ báo cáo tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định về cơ bản đảm bảo thời gian. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, thiếu sót như sau:

+ Đối với các đơn tiếp nhận trong năm 2021 đến năm 2022 chưa thực hiện lập Phiếu đề xuất thụ lý đơn theo mẫu số 01-XLD ban hành kèm theo Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ (*nay là Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021*).

+ Trong 2 năm 2021, 2022 việc ghi chép, cập nhật số đơn vào sổ theo dõi đơn chưa đảm bảo, chưa ghi vào các cột theo dõi kết quả giải quyết hoặc ghi chưa đầy đủ thông tin dẫn đến việc theo dõi khó khăn đối với từng vụ việc khi thực hiện tra cứu; báo cáo kết quả giải quyết không lưu kèm theo đơn của công dân, chỉ ghi vào sổ theo dõi xử lý đơn; một số đơn không photo lại đơn để lưu hồ sơ theo dõi xử lý đơn khi đã chuyển cho bộ phận chuyên môn giải quyết dẫn đến không có trong hồ sơ lưu đơn trong khi đã thực hiện mở sổ theo dõi đơn.

+ Không có sổ tiếp dân định kỳ của Chủ tịch UBND xã.

+ Thanh toán chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh chưa đúng với mức chi quy định tại Điều 2, Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

+ Về chế độ báo cáo: Từ năm 2021 đến năm 2022, UBND xã thực hiện đảm bảo quy định chế độ báo cáo công tác tiếp dân, xử lý đơn gửi UBND huyện theo quy định.

4.2. Kết luận và kiến nghị

- Ủy ban nhân dân xã cần phát huy tốt hơn nữa những mặt làm được; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vụ việc phát sinh trên địa bàn xã. Chỉ đạo công chức được phân công tiếp dân, xử lý đơn thực hiện mở sổ theo dõi

đơn khi phát sinh đơn, cập nhật hồ sơ kết quả giải quyết theo từng vụ việc và ghi kết quả vào sổ theo dõi đơn đảm bảo theo quy định, báo cáo kết quả giải quyết vụ việc cho UBND huyện đúng thời gian quy định.

- Khi tiếp nhận đơn thì phải thực hiện lập Phiếu đề xuất thụ lý đơn theo đúng quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra chính phủ quy trình xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

- Ủy ban nhân dân xã cần thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (*Báo cáo quý I, 6 tháng, 9 tháng và cả năm*) về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo cho UBND huyện (*qua cơ quan Thanh tra huyện*) để tổng hợp báo cáo lãnh đạo huyện và ngành cấp trên đảm bảo đúng thời gian quy định.

- Thực hiện đăng ký mua sổ tiếp dân định kỳ của Chủ tịch UBND xã để mở sổ theo dõi đúng quy định.

- UBND xã thực hiện thanh toán đúng chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

II. Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng

1. Việc thực hiện xây dựng kế hoạch và chế độ báo cáo

- Trong năm 2021, 2022, UBND xã đã ban hành các Kế hoạch phòng, chống tham nhũng như: Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 18/01/2021 và Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 06/01/2022

- Chế độ báo cáo: UBND xã Ba Nam thực hiện báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng đảm bảo theo quy định chế độ báo cáo.

2. Công tác kê khai tài sản, thu nhập

Trên cơ sở Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 và Quyết định số 4028/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ba Tư phê duyệt danh sách cán bộ, công chức, viên chức có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2021 và năm 2022, Ủy ban nhân dân xã Ba Nam đã quán triệt, chỉ đạo tổ chức thực hiện kê khai và công khai bản kê khai tài sản đối với cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân xã đảm bảo đúng quy định theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

3. Nhận xét và kết luận

- Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức, quán triệt đầy đủ nội dung tinh thần kê khai tài sản thu nhập hàng năm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ, đã tổ chức thực hiện kê khai, công khai bản kê khai đảm bảo đúng quy định.

- UBND xã đã ban hành kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng, lãng

phí năm 2021, 2022 đảm bảo theo quy định.

III. Quản lý thu chi ngân sách

1. Quỹ công chuyên dùng

- Năm 2021

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Quỹ vì người nghèo		
	Số năm trước chuyển sang	10.595.000	
	Số thu trong năm	4.00.000	
	Số chi trong năm	5.100.000	
	Số dư cuối năm	9.495.000	
2	Quỹ thiên tai		
	Số thu trong năm	3.630.000	
	Số chi trong năm	3.630.000	

- Năm 2022

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Quỹ vì người nghèo		
	Số năm trước chuyển sang	9.495.000	
	Số thu trong năm	3.500.000	
	Số chi trong năm	7.100.000	
	Số dư cuối năm	5.895.000	
2	Quỹ thiên tai		
	Số thu trong năm	1.490.000	
	Số chi trong năm	1.490.000	
3	Quỹ đền ơn đáp nghĩa		
	Số thu trong năm	3.805.000	
	Số dư cuối năm	3.805.000	

* Nhận xét

- Quỹ vì người nghèo: Chứng từ chi hỗ trợ quà nhân tháng cao điểm ngày vì

người nghèo xã năm 2021 với số tiền 1.800.000 đồng nhưng danh sách nhận tiền ghi: 06 hộ x 600.000 đồng = 1.800.000 đồng là sai.

- UBND xã không giao cho kế toán xã, không lập phiếu thu, chi, không mở sổ theo dõi riêng, hạch toán, quyết toán riêng... chưa đúng tại Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 344/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn.

2. Quản lý thu – chi ngân sách năm 2021, 2022

a. Quản lý thu - chi năm 2021

Đvt: đồng

1.1. Tổng thu	<u>6.416.734.705</u>
1.1.1. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.400.466.336
- Phí, lệ phí	16.289.000
- Thu kết dư ngân sách năm trước	1.106.843.136
- Thu chuyển nguồn năm trước sang	277.334.200
1.1.2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	268.369
- Thu lệ phí trước bạ nhà đất	268.369
1.1.3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.016.000.000
- Thu bổ sung cân đối	4.750.000.000
- Thu bổ sung có mục tiêu	266.000.000
1.1.4. Ngân sách huyện: Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách XH thuộc NS cấp 3 nên không đối chiếu và đã quyết toán tại phòng LĐTĐ và XH huyện	55.770.000

1.2 Tổng chi

Mã Chương	Mã ngành	Mã NDKT	NỘI DUNG CHI	Số tiền
1	2	3	4	5
Tổng cộng				<u>4.414.998.421</u>
805	341		Văn phòng Ủy ban nhân dân	2.207.950.267
809	041		An ninh và trật tự an toàn xã hội	72.414.600
810	011		Quốc phòng	301.860.164

811	361		Đoàn Thanh niên cộng sản HCM xã	177.270.402
812	361		Hội Liên hiệp phụ nữ xã	123.018.153
813	361		Hội Nông dân xã	161.099.749
814	361		Hội Cựu chiến binh xã	119.415.094
819	351		Đảng ủy xã	470.220.888
820	361		Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã	177.053.904
860	433		Nộp ngân sách cấp trên	145.084.400
989			Các đơn vị khác, trong đó:	
	161		Văn hóa thông tin	59.966.000
	221		Thẻ dực thể thao	2.800.000
	278		Bảo vệ môi trường	3.040.000
	282		Lâm nghiệp và dịch vụ lâm nghiệp	15.600.000
	292		Giao thông đường bộ	374.604.800
	398		Chính sách và hoạt động các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác	3.600.000

b. Quản lý thu - chi năm 2022

ĐVT: Đồng

2.1. Tổng thu	10.187.587.284
2.1.1. Các khoản thu xã hưởng	2.018.349.284
- Thuế, phí, lệ phí	16.613.000
- Thu kết dư ngân sách năm trước	2.001.736.284
2.1.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.169.238.000
- Thu bổ sung cân đối	4.512.000.000
- Thu bổ sung có mục tiêu	3.657.238.000
2.1.3. Ngân sách huyện: Tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách XH thuộc NS cấp 3 nên không đối chiếu và đã quyết toán tại phòng LĐTĐ và XH huyện	110.055.000

2.2. Tổng chi

Mã Chương	Mã ngành	Mã NDKT	NỘI DUNG CHI
-----------	----------	---------	--------------

Tổng cộng				9.756.316.668
805	341		Văn phòng Ủy ban nhân dân	2.496.940.487
809	041		An ninh và trật tự an toàn xã hội	139.385.000
810	011		Quốc phòng	321.855.577
811	361		Đoàn Thanh niên cộng sản HCM xã	239.872.664
812	361		Hội Liên hiệp phụ nữ xã	186.830.387
813	361		Hội Nông dân xã	195.447.292
814	361		Hội Cựu chiến binh xã	187.212.261
819	351		Đảng ủy xã	543.684.999
820	361		Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã	191.908.501
860	433		Nộp ngân sách cấp trên	1.772.774.000
860	434		Chuyển nguồn sang năm sau	1.364.014.000
989			Các đơn vị khác, trong đó:	
	161		Văn hóa thông tin	140.937.500
	191		Đài truyền thanh	16.994.000
	221		Thẻ dực thể thao	59.870.000
	278		Bảo vệ môi trường	7.200.000
	282		Lâm nghiệp và dịch vụ lâm nghiệp	47.269.000
	292		Giao thông đường bộ	1.835.821.000
	373		Chi khác cho hoạt động bảo vệ trẻ em	3.600.000
	398		Chính sách và hoạt động các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác	4.700.000

3. Những chứng từ sai về chi ngân sách nhà nước

a. Những sai phạm chung của năm 2021 và năm 2022

Qua rà soát, xem xét hồ sơ chứng từ kế toán có nhiều hồ sơ chưa được thủ trưởng đơn vị duyệt chi như:

- Hoá đơn số 0190632 ngày 13/01/2021, hoá đơn số 1044425 ngày 15/3/2021 chuyển tiền điện tháng 1 và tháng 3/2021.

- Chuyển khoản số 06 ngày 30/3/2021, tiền điện thoại, internet tháng 1, 2/2021 khối UBND, Hội Nông dân, Đảng ủy, UBMTTQVN xã với số tiền 2.712.843 đồng: các hoá đơn số 0448819, 0418800, 0418798.... Thủ trưởng

đơn vị không duyệt chi.

- Chuyển khoản số 04 ngày 21/01/2022 tiền điện sáng tháng 01/2022 với số tiền 2.26.755 đồng, Hoá đơn số 0197557 ngày 13/01/2022 thủ trưởng đơn vị không duyệt chi.

- Giấy chuyển khoản số 21 ngày 11/3/2022, chuyển tiền đặt báo quý I/2022 khôi đảng uỷ xã với số tiền: 1.143.100 đồng. Hoá đơn số 0015215 ngày 20/02/2022 người mua hàng không ký nhận, thủ trưởng đơn vị không duyệt chi.

- Chuyển khoản số 7 ngày 29/3/2021, phần mềm kế toán ngân sách xã với số tiền: 10.000.000 đồng, Hoá đơn số 0080366 ngày 8/3/2021 người mua hàng không ký nhận.

b. Những sai phạm cụ thể của năm 2021 và năm 2022

*** Năm 2021**

- Bà Phạm Thụy Thuỳ Ngân nghỉ thai sản từ tháng 3/2021 đến hết tháng 8/2021 (*bà Ngân đi làm lại tháng 7/2021 trước 2 tháng*) nhưng vẫn thực hiện ký hồ sơ kế toán từ tháng 3 đến tháng 6/2021 là không đúng tại Điều 139 Bộ Luật Lao động năm 2019.

- Qua rà soát của UBND xã Ba Nam có 03 người hưởng Phụ cấp lâu năm không đúng theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP với tổng số tiền: **15.049.000 đồng**, cụ thể (1):

+ Bà Phạm Thụy Thuỳ Ngân hưởng hệ số phụ cấp lâu năm từ 0,5 lên 0,7 sai 26 tháng với số tiền: $26 \times 0,2 \times 1.490.000 = 7.748.000$ đồng.

+ Ông Phạm Minh Phí hưởng hệ số phụ cấp lâu năm từ 0,7 lên 1 sai 7 tháng với số tiền: $7 \times 0,3 \times 1.490.000 = 3.129.000$ đồng.

+ Ông Phạm Văn Đế hưởng hệ số phụ cấp lâu năm từ 0,5 lên 0,7 sai 14 tháng với số tiền: $14 \times 0,2 \times 1.490.000 = 4.172.000$ đồng.

- Phiếu chi số 22 ngày 9/6/2021, chi tiền bồi dưỡng cho Trưởng, Phó Trưởng Công an và công an viên xã tham gia trực tết năm 2021 với số tiền: 11.320.000 đồng. Trưởng, Phó trưởng Công an xã và Công an viên nhận tiền bồi dưỡng trực tết không có trong quy định, tổng số tiền sai **4.600.000 đồng**, cụ thể (2):

+ Danh sách nhận tiền số 05/DS-CAX ngày 02/01/2021, tiền trực tết dương lịch với số tiền 600.000 đồng (*ông Phạm Hồng Thảo, Phạm Văn Cây, Nguyễn Văn Mạnh mỗi người 200.000 đồng*).

+ Danh sách nhận tiền số 13/DS-CAX ngày 17/02/2021, tiền trực tết âm lịch với số tiền 2.800.000 đồng (*ông Phạm Hồng Thảo, Nguyễn Văn Mạnh mỗi người 1.000.000 đồng và ông Phạm Văn Cây 800.000 đồng*).

+ Danh sách nhận tiền số 19/DS-CAX ngày 22/4/2021, tiền trực lễ giỗ tổ Hùng Vương với số tiền 400.000 đồng (*ông Phạm Hồng Thảo, Nguyễn Văn Mạnh*

mỗi người 200.000 đồng).

+ Danh sách nhận tiền số 26/DS-CAX ngày 04/5/2021, tiền trực lễ 30/4 và 01/5 với số tiền 800.000 đồng (ông Phạm Hồng Thảo, Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Văn Cây, Lê Kinh Tâm mỗi người 200.000 đồng).

- Phiếu chi số 119 ngày 15/12/2021, chi tiền trực lễ ngày truyền thống CAND, trực lễ Quốc khánh 2/9, tiền ăn hội nghị triển khai công tác công an năm 2021, tặng quà chính sách nhân ngày Hội TĐBVANTQ với số tiền: 7.960.000 đồng. Trưởng, Phó trưởng Công an xã và Công an viên nhận tiền bồi dưỡng trực lễ không có trong quy định, tổng số tiền sai **2.400.000 đồng**, cụ thể (3):

+ Danh sách nhận tiền số 47/DS-CAX ngày 04/9/2021, tiền trực bảo vệ lễ 2/9 với số tiền 1.200.000 đồng (ông Phạm Hồng Thảo, Phạm Văn Ri mỗi người 400.000 đồng; Ông Phạm Văn Cây, Nguyễn Văn Mạnh mỗi người 200.000 đồng).

+ Danh sách nhận tiền số 50/DS-CAX ngày 20/8/2021, tiền trực bảo vệ lễ ngày truyền thống CAND với số tiền 1.200.000 đồng (ông Phạm Hồng Thảo, Phạm Văn Ri mỗi người 200.000 đồng; Ông Phạm Văn Cây, Nguyễn Văn Mạnh mỗi người 400.000 đồng).

- Phiếu chi số 27 ngày 9/6/2021, chi tiền lực lượng dân quân trực thường xuyên 12/24 tháng 1,2,3,4 và chi tiền LLDQ tham gia huấn luyện DQTC, huấn luyện DQCD, tổ chức lễ tuyển quân năm 2021 với số tiền: 68.080.800 đồng. Có một số sai sót cụ thể như sau: Danh sách ký nhận tiền bồi dưỡng trực thường xuyên tháng 1/2021 với số tiền 11.085.600 đồng, có trường hợp ông Phạm Văn Thía: trực 15 đêm x 119.200 đồng = 1.430.400 đồng là tính toán sai (thực tế 1.788.000 đồng) và trong Danh sách ông Thía nhận số tiền 1.430.400 đồng, như vậy số tiền: 1.788.000 đồng - 1.430.400 đồng = 357.600 đồng chưa chi.

Tổng cộng số tiền sai phạm năm 2021: (1)+(2)+(3) = 15.049.000 + 4.600.000 + 2.400.000 = **22.049.000 đồng**.

* Năm 2022

- Bảng lương từ tháng 4 đến tháng 12/2022, không chi phụ cấp kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐND xã cho ông Phạm Văn Tương là không đúng tại Điều 1 Nghị Quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi. Tổng số tiền chưa chi: $(3,33 + 0,3) \times 20\% \times 8 \text{ tháng} \times 1.490.000 \text{ đồng} = 8.653.920 \text{ đồng}$.

- Chuyển tiền số 40 ngày 25/4/2022, tiền trang trí HN CBCC, trang trí HN toạ đàm ngày 8/3 và trang trí HN sơ kết công tác CCHC quý I/2022 với số tiền 900.000 đồng và Giấy chuyển khoản số 66 ngày 2/6/2022, tiền trang trí HN sơ kết công tác CCHC quý I/2022, tiền in bảng thông báo cách ly điều trị covid 19 năm 2022 với số tiền 4.784.000 đồng. Có trường hợp Hoá đơn số 0005835 (Nội dung: tiền trang trí HN sơ kết công tác CCHC quý I/2022) ngày 20/4/2022 với số tiền

300.000 đồng chuyển trùng nội dung trên 2 giấy rút (1).

- Phiếu chi số 66 ngày 22/6/2022, chi tiền xăng, tiền phụ cấp lưu trú cho ông Phạm Thanh Đẹp phó chỉ huy Ban chỉ huy Quân sự xã với số tiền: 1.240.000 đồng. Trong thời gian tập huấn ngày 21, 22, 23, 24, 25, 28 và 29/3/2022 (theo Thông báo triệu tập số 372/TB-BCH ngày 16/3/2022 của BCHQS huyện tập huấn tại trung đoàn 877 Quảng Ngãi) ông Đẹp lại nhận tiền trực 12/24 tháng 3 theo Phiếu chi số 39 ngày 27/4/2022 đối với các ngày 22, 23, 24, 28, 29/3/2022. Như vậy, ông Đẹp chi trùng chế độ 5 đêm trực 12/24 trong tháng 3. Số tiền sai phạm: 5 đêm x 119.200 đồng = **596.000 đồng** (2).

- Giấy chuyển khoản số 128 ngày 09/12/2022, tiền lắp đặt công thông tin điện tử xã Ba Nam với số tiền 20.000.000 đồng. Số tiền sai phạm: **20.000.000 đồng** (3).

+ Ngày 20/5/2020, UBND huyện ban hành Công văn số 642/UBND về việc thành lập trang thông tin điện tử cấp xã đã giao tài khoản truy cập cổng UBND các xã cho công chức. Tiếp đến UBND huyện ban hành Công văn số 158/UBND ngày 7/2/2023 có nội dung: ‘*Năm 2019, UBND tỉnh đã thành lập Trang thông tin điện tử cấp xã; đến năm 2020, UBND tỉnh đã tổ chức tập huấn cho công chức phụ trách về cách thức quản lý, cập nhật thông tin trên Trang thông tin điện tử, đồng thời cung cấp thông tin, tài khoản truy cập Trang thông tin điện tử các xã, thị trấn*’. Như vậy, cổng thông tin điện tử đã được UBND tỉnh cấp, vì thế UBND xã hợp đồng với Công ty TNHH và DV 176 về cập nhật, thiết kế bổ sung hình ảnh, chỉnh sửa thông tin, thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử là không hợp lý.

+ Không có chứng từ chi (như Giấy mời, bao nhiêu đối tượng tập huấn, tập huấn bao nhiêu ngày...) với số tiền 4.100.000 đồng về tập huấn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, hướng dẫn thực hành cập nhật, chỉnh sửa thông tin và thủ tục hành chính, đăng tải thông tin bài viết trên website và nội dung này đã được UBND tỉnh tập huấn.

+ Bảng báo giá ngày 15/9/2022 của Công ty TNHH TM & DV 176 là: 2 ngày tập huấn nhưng phụ lục dự toán Hợp đồng kinh tế số 2921/W176 ngày 21/9/2022 là 1 ngày tập huấn.

+ UBND xã thuê Công ty tập huấn nhưng phải trả tiền thuê máy tính xách tay và các thiết bị phục vụ tập huấn. Nội dung tài liệu tập huấn, người được thuê hướng dẫn tập huấn.

Tổng cộng số tiền sai phạm năm 2022: (1)+(2)+(3) = 300.000 + 596.000 + 20.000.000 = 20.896.000 đồng.

Tổng sai phạm của năm 2021 + 2022: 22.049.000 + 20.896.000 = 42.945.000 đồng.

4. Nhận xét, kết luận

a. Nhận xét

Ủy ban nhân dân xã chưa thực hiện tốt công tác chi tiêu ngân sách, do đó còn để sai phạm liên quan đến phê duyệt chi các mục chi không hợp lý và không đảm bảo theo văn bản hướng dẫn của các cấp.

Nguyên nhân sai phạm là do chủ tài khoản chưa nắm đầy đủ các văn bản, chưa thực hiện tốt vai trò phê duyệt chứng từ và điều hành trong hoạt động ngân sách; nguyên nhân chủ yếu do nhân viên kế toán chưa thực hiện đảm bảo nhiệm vụ được giao, nhận thức các văn bản và chính sách, pháp luật còn hạn chế, chưa đầu tư nghiên cứu đầy đủ các văn bản quy định về quản lý ngân sách của các cấp nên dẫn đến tham mưu sai sót trong quá trình điều hành, quản lý ngân sách của đơn vị.

b. Kết luận

* Về kinh tế

- Thu hồi đối với những mục sai phạm tại: $22.049.000 + 20.896.000 = 42.945.000$ đồng của 02 năm tài chính đã được nêu ra như trên.

- Đề nghị UBND xã có trách nhiệm chi trả phụ cấp kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐND xã cho ông Phạm Văn Tương từ tháng 4 đến tháng 12/2022 với số tiền: $(3,33 + 0,3) \times 20\% \times 8 \text{ tháng} \times 1.490.000 \text{ đồng} = 8.653.920 \text{ đồng}$.

- Đề nghị UBND xã có trách nhiệm chi trả tiền trực 12/24 cho ông Phạm Văn Thía với số tiền 357.600 đồng (Danh sách ký nhận tiền bồi dưỡng trực thường xuyên tháng 1/2021 với số tiền 11.085.600 đồng, có trường hợp ông Phạm Văn Thía: $\text{Trực } 15 \text{ đêm} \times 119.200 \text{ đồng} = 1.430.400 \text{ đồng}$ là tính sai (*thực tế 1.788.000 đồng*) và trong Danh sách ông Thía nhận số tiền 1.430.400 đồng.

* Về hành chính

- Đối với UBND xã:

+ Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm về những sai phạm, khuyết điểm trong quản lý, điều hành ngân sách trong năm 2021, 2022 đối với chủ tài khoản và kế toán phụ trách ngân sách xã.

+ Tổ chức triển khai đến toàn thể cán bộ, công chức trong đơn vị những văn bản quy định về chi tiêu ngân sách nhằm đảm bảo nhận thức đầy đủ và triển khai thực hiện đảm bảo quy định của Nhà nước.

- Đối với phòng Tài chính - Kế hoạch:

+ Thẩm tra quyết toán và kiến nghị xuất toán đối với nội dung lắp đặt công thông tin điện tử tại UBND các xã trên địa bàn huyện đúng với quy định tránh để tình trạng chi tiền từ Ngân sách nhà nước cùng một nội dung.

+ Tham mưu UBND huyện tăng cường nâng cao chất lượng thẩm định,

quyết toán việc sử dụng ngân sách đối với các đơn vị hành chính, sự nghiệp trên địa bàn huyện có sử dụng ngân sách nhà nước trong thời gian đến.

IV. Quản lý các dự án

Trong năm 2021 và 2022 UBND xã đã làm chủ đầu tư đối với các công trình cụ thể như sau:

1. Năm 2021

ĐVT: đồng

STT	Công trình	Số tiền đã thanh toán	Ghi chú
1	Nối tiếp tuyến đường UBND xã đi thôn Làng Vờ	217.355.000	

2. Năm 2022

ĐVT: đồng

STT	Công trình	Số tiền đã thanh toán	Ghi chú
1	Cải tạo sửa chữa hội trường UBND xã phục vụ cơ chế 1 cửa	170.000.000	
2	Duy tu, sửa chữa tuyến đường UBND xã đi thôn Làng Dút I	115.789.000	
3	Kè chống sạt lở, tường rào cổng ngõ trụ sở làm việc UBND xã Ba Nam	309.018.000	
4	Trạm y tế xã Ba Nam	238.000.000	
5	Nâng cấp sửa chữa đường bê tông xi măng UBND xã đi thôn Làng Dút	960.763.000	
6	Nâng cấp sửa chữa đường bê tông xi măng UBND xã đi thôn Xà Râu	759.269.000	

3. Kiểm tra thực hiện quản lý trong thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản

a. Về thủ tục hồ sơ công trình

Hồ sơ công trình còn nhiều sai phạm cụ thể như sau:

- Hồ sơ tại 7 công trình nêu trên hầu hết tại các hợp đồng tư vấn giám sát; hợp đồng đầu tư xây dựng gồm nhiều trang chưa được ký từng trang hoặc chưa

đóng dấu giáp lai đối với các trong trong hợp đồng; các bản thiết kế, báo cáo kinh tế kỹ thuật đại đa số không có ngày, tháng, năm.

- Trong công tác thẩm định chưa kiểm tra đầy đủ các thông tin bản thiết kế bản vẽ thi công, thẩm định dự toán ... tất cả các trang đều không được ký, số văn bản thẩm định, ngày tháng năm thẩm định, nhiều trang chưa được đóng dấu, ký thẩm định.

- Một số Hóa đơn người mua hàng không ký nhận, chủ đầu tư không duyệt chi như: Hóa đơn số 0000202 ngày 20/12/2021, Hóa đơn số 00000007 ngày 17/11/2022.

- Theo Hợp đồng số 01/2022/HĐXD ngày 05/9/2022, không ghi rõ thời điểm tạm ứng là không đúng tại tiết a "*Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng, mức thu hồi tạm ứng từng lần, thời điểm thu hồi tạm ứng từng lần và các nội dung khác đảm bảo việc thu hồi tạm ứng do chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu theo đúng quy định phải được ghi cụ thể trong hợp đồng và phải phù hợp với tiến độ đầu tư dự án, tiến độ thực hiện hợp đồng và khối lượng thực hiện theo từng năm. Mức vốn tạm ứng và số lần tạm ứng được phân định cụ thể theo từng năm phù hợp với tiến độ thực hiện hợp đồng trong năm tương ứng (nếu có).*" khoản 1 điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ và không ghi ngày tháng khởi công, hoàn thành công trình. Tiếp đến, ngày 30/9/2022 Công ty TNHH MTV Trung Thuận Phong đã tạm ứng số tiền 220.444.000 đồng (Giấy tạm ứng số 02 ngày 30/9/2022) nhưng đến ngày 18/01/2023 mới hoàn ứng số tiền trên (Giấy đề nghị thu hồi vốn số 02 ngày 18/01/2023) là không đúng tiết a "*Đối với các công việc của dự án thực hiện theo hợp đồng (bao gồm cả hợp đồng xây dựng và hợp đồng của dự án không có cấu phần xây dựng): vốn tạm ứng quá hạn thu hồi sau 03 tháng kể từ thời điểm phải thu hồi vốn tạm ứng theo quy định của hợp đồng mà nhà thầu chưa thực hiện hoặc khi phát hiện nhà thầu sử dụng sai mục đích, chủ đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan kiểm soát, thanh toán để thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước. Trường hợp chủ đầu tư chưa thu hồi, cơ quan kiểm soát, thanh toán có văn bản đề nghị chủ đầu tư thu hồi của nhà thầu hoặc đề nghị chủ đầu tư yêu cầu tổ chức tín dụng phát hành bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng theo nghĩa vụ bảo lãnh khi nhà thầu vi phạm cam kết với chủ đầu tư về việc sử dụng vốn tạm ứng"* khoản 1 điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

b. Kiểm tra thực tế công trình

Trong điều kiện cho phép, Đoàn Thanh tra kiểm tra thực tế tại công trình với một số các hạng mục của công trình với kết quả kiểm tra 02 công trình

*** Nâng cấp, sửa chữa đường BTXM UBND xã đi Xà Râu**

Nền, mặt đường:

+ Chiều dài thiết kế: 75,0m đảm bảo chiều dài;

+ Bề rộng nền đường: 6,0 m; bề rộng mặt đường: 5,50 m đảm bảo đúng;

- + Bề rộng lề đường: $0.5 \times 2 = 1,0$ m đảm bảo đúng;
- + Bê tông mặt đường chiều dày mặt đường: 20cm đảm bảo đúng;
- + Khe co giãn dày 2cm đảm bảo đúng thiết kế (*khoảng cách mỗi khe co 5m; khe gián khoảng cách 40m bố trí 1 khe*);

*** Nâng cấp, sửa chữa đường UBND xã đi Làng Dút**

Nền, mặt đường:

- + Cấp đường thiết kế: Đường giao thông nông thôn loại B theo Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải;
- + Chiều dài thiết kế: 664,0m đảm bảo theo thiết kế;
- + Bề rộng nền đường: 4,0 m; bề rộng mặt đường: 3,0 m đảm bảo theo thiết kế;
- + Bề rộng lề đường: $0.5 \times 2 = 1,0$ m đảm bảo;
- + Bê tông mặt chiều dày mặt đường: 18cm đảm bảo;
- + Khe co giãn dày 2cm đảm bảo (*khoảng cách mỗi khe co 5m; khe gián khoảng cách 40m bố trí 1 khe*);
- Thoát nước ngang: Trên tuyến có bố trí công trình thoát nước V75, tại Km0+635,01;

Qua kiểm tra thực tế tại 02 công trình trên tại hiện trường đảm bảo về chiều dài, độ rộng mặt đường và độ dày của công trình đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm định phê duyệt.

3. Nhận xét và kết luận

a. Nhận xét

Trong quá trình xây dựng hồ sơ công trình từ thiết kế, dự toán đến các bước hợp đồng còn nhiều thiếu sót như đã nêu trên; Chưa kịp thời lập hồ sơ quyết toán công trình, cũng như chưa thẩm tra quyết toán đối với công trình là sai phạm.

b. Kết luận

*** Hành chính**

- Đối với UBND xã, trong quá trình thực hiện các dự án cần thực hiện đảm bảo trong xây dựng lập hồ sơ đảm bảo chắc chắn, đảm bảo tính pháp lý của các văn bản. Quá trình nghiệm thu, quyết toán công trình thanh toán đúng những hạng mục, khối lượng đã có thi công đúng.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng: Trong thực hiện việc thẩm tra thiết kế, dự toán cần thẩm tra các điều kiện cần, đủ của hồ sơ thẩm định, kiểm tra, thẩm tra khối lượng thiết kế đảm bảo chất lượng công trình.

- Phòng Tài Chính - Kế hoạch: Kịp thời thẩm tra quyết toán dự án công trình còn chậm trễ đồng thời nâng cao chất lượng thẩm tra, quyết toán ngân sách xã để

kịp thời uống năn, chấn chỉnh sai sót, vi phạm.

C. NGUYÊN NHÂN, TRÁCH NHIỆM

I. NGUYÊN NHÂN

Chủ tịch UBND xã chưa làm hết trách nhiệm theo thẩm quyền trong công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được thanh tra như lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chưa tốt nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Chủ tài khoản chưa nắm đầy đủ các văn bản, chưa thực hiện tốt vai trò phê duyệt chứng từ và điều hành trong hoạt động ngân sách; nguyên nhân chủ yếu do nhân viên kế toán chưa thực hiện đảm bảo nhiệm vụ được giao, nhận thức các văn bản và chính sách, pháp luật còn hạn chế, chưa đầu tư nghiên cứu đầy đủ các văn bản quy định về quản lý ngân sách của các cấp nên dẫn đến tham mưu sai sót trong quá trình điều hành, quản lý ngân sách của đơn vị.

II. TRÁCH NHIỆM

Trách nhiệm chính thuộc về Chủ tịch UBND xã trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được nêu cụ thể tại kết luận thanh tra. Trách nhiệm của kế toán ngân sách chưa thực hiện đảm bảo nhiệm vụ được giao, do đó dẫn đến tham mưu sai sót trong quá trình điều hành, quản lý ngân sách của đơn vị.

D. BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với UBND xã Ba Nam

- Chủ tịch UBND xã kiểm điểm rút kinh nghiệm làm rõ trách nhiệm từng nội dung sai phạm thuộc phạm vi thanh tra tại kết luận thanh tra đã chỉ ra.

- Yêu cầu Chủ tịch UBND xã Ba Nam truy thu đúng, đủ các khoản đã chi sai phạm đã được nêu ra theo quy định với tổng số tiền 42.945.000 đồng và nộp vào Tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Thanh tra huyện Ba Tư - *Số tài khoản 3949.0.1080662* tại Kho bạc Nhà nước huyện Ba Tư.

- Yêu cầu UBND xã có trách nhiệm chi trả phụ cấp kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐND xã cho ông Phạm Văn Tương với số tiền 8.653.920 đồng; chi trả cho ông Phạm Văn Thía với số tiền 357.600 đồng đảm bảo theo chế độ quy định.

- Tập trung chỉ đạo chấn chỉnh những sai phạm được chỉ ra tại kết luận thanh tra đã chỉ ra.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Kịp thời thẩm tra quyết toán, chất lượng thẩm tra, quyết toán ngân sách xã để kịp thời uống năn, chấn chỉnh sai sót, vi phạm trong điều hành ngân sách của các đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện.

Đ. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Yêu cầu UBND xã Ba Nam nghiêm túc tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra, trong thời hạn 30 ngày phải gửi báo cáo và chứng từ cho Chủ tịch UBND

huyện (qua cơ quan Thanh tra huyện).

Tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở UBND xã trong 15 ngày liên tục; xây dựng kế hoạch cụ triển khai, thể thực hiện kết luận thanh tra đảm bảo theo quy định.

2. Giao Chánh Thanh tra huyện công khai kết luận Thanh tra theo quy định và theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận này, đồng thời tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND huyện theo quy định.

Trên đây là kết luận thanh tra của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc thanh tra chế độ trách nhiệm của Chủ tịch UBND xã trong công tác phòng chống tham nhũng giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và công tác quản lý tài chính, ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản trong năm 2021 và 2022 tại UBND xã Ba Nam; căn cứ kết luận này, cơ quan được thanh tra và các cơ quan liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc yêu cầu đã nêu trong kết luận này./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- CT, PCT UBND huyện;
- Tài chính – Kế hoạch;
- Thanh tra huyện;
- VP HĐND và UBND huyện;
- UBND xã Ba Nam;
- Lưu: VT, TTr.



CHỦ TỊCH

Phạm Xuân Vinh